UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2453 /QĐ-SYT	*Đắk Lắk, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tuần 45 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **34** cá nhân đủ điều kiện *(Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).*

Điều 2. Thu hồi **10** Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề *(Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).*

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (*đăng tải);*
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I

DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 45 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định 2453 /QĐ-SYT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

TT	Họ tên	Ngày sinh	CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh CM	Phạm vi hành nghề	Số ký hiệu GPHN	Ngày cấp GPHN	Thời hạn GPHN	Ghi chú
1	Nguyễn Bùi Minh Hiếu	05/09/1997	054097010034	28/06/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002575/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	30/06/2001	054301002650	17/06/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002576/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Lê Trần Minh Duyên	14/02/2000	077300000365	30/09/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002577/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Nguyễn Văn Thắng	20/12/1990	066090000573	25/08/2025	Bộ Công an	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	002578/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp lại
5	Nguyễn Duy Hoài	22/01/1998	054098006588	04/03/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002579/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
6	Nguyễn Thị Hà	18/07/1984	066184000663	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	002580/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp lại

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Ngày cấp*	*Nơi cấp*	*Chức danh CM*	*Phạm vi hành nghề*	*Số ký hiệu GPHN*	*Ngày cấp GPHN*	*Thời hạn GPHN*	*Ghi chú*
7	Triệu Thị Trinh	10/02/2004	067304005543	31/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002581/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Trần Quốc Dũng	26/07/2001	066201018741	29/07/2026	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	002582/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Võ Văn Ngà	04/04/1990	066090014111	09/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	002583/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp lại
10	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	20/12/2001	066301000691	30/05/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002584/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	VŨ THỊ NHƯ THÙY	18/02/2001	066301006065	03/02/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng hàm mặt	002585/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Phan Ngọc Thiên Như	09/11/2001	054301009124	14/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002586/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
13	Trần Thị Huyền Trang	10/05/2001	067301003837	26/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002587/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Ngày cấp*	*Nơi cấp*	*Chức danh CM*	*Phạm vi hành nghề*	*Số ký hiệu GPHN*	*Ngày cấp GPHN*	*Thời hạn GPHN*	*Ghi chú*
14	Nguyễn Thị Mai Phương	17/03/1997	066197014043	06/10/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Xét nghiệm y học	002588/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Trương Đình Anh	19/06/1998	066098000413	10/01/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002589/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Phạm Sơn Huy Giang	15/12/2001	054201008356	11/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002590/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Nguyễn Văn Sinh	04/05/1989	042089003062	29/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	002591/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Đặng Lê Hải Long	25/03/1997	067097002941	12/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Ngoại	002592/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp lại
19	H' Dít Tơr	25/03/1989	066189007358	12/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	002593/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp lại
20	Trần Quang Tú	15/09/2001	066201018416	22/06/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002594/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Ngày cấp*	*Nơi cấp*	*Chức danh CM*	*Phạm vi hành nghề*	*Số ký hiệu GPHN*	*Ngày cấp GPHN*	*Thời hạn GPHN*	*Ghi chú*
21	Nguyễn Văn Sơn	25/01/1989	040089039028	08/07/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002595/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Vũ Hồ Tân	18/03/2001	067201002592	22/10/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002596/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Lương Văn Toàn	30/05/1992	001092033280	19/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002597/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Trần Thị Thơ	24/02/2001	066301000477	16/01/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002513/ĐL-GPHN	06/11/2026	27/10/2031	Cấp lại
25	Phạm Thành Đạt	08/11/2002	066202009180	27/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	002598/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Hà Văn Tiến	10/06/1995	052095005139	11/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	002599/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
27	Thái Thị Hiền	18/08/1989	066189000729	06/09/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002600/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Ngày cấp*	*Nơi cấp*	*Chức danh CM*	*Phạm vi hành nghề*	*Số ký hiệu GPHN*	*Ngày cấp GPHN*	*Thời hạn GPHN*	*Ghi chú*
28	H' SƠ RIN NIÊ	27/08/2003	066303013881	02/10/2026	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002601/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Phạm Thị Hiền	28/10/1992	034192023552	26/05/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002602/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Đào Văn Trung	19/01/1988	066088005380	27/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	002603/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
31	Lê Văn Tuấn	17/03/1993	066093000271	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	002487/ĐL-GPHN	06/11/2026	16/10/2031	Cấp lại
32	H NÊ RA SIU	26/10/2003	066303001997	30/03/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002604/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Trần Thị Thư	24/02/2001	066301000476	19/01/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002512/ĐL-GPHN	06/11/2026	27/10/2031	Cấp lại
34	Nguyễn Thiện Trí	20/01/1971	066071005612	09/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	002605/ĐL-GPHN	06/11/2026	06/11/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 34 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 45 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định 2453 /QĐ-SYT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế)

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Số CCHN/GPHN*	*Ngày cấp CCHN/GPHN*	*Văn bằng CM/Chức danh*	*Phạm vi hành nghề*	*Lý do thu hồi*
1	Nguyễn Văn Thắng	20/12/1990	066090000573	002780/PY-CCHN	09/04/2018	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên X quang	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Nguyễn Thị Hà	18/07/1984	066184000663	0003851/ĐL-CCHN	05/05/2014	Kỹ thuật viên (cao đẳng)	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của kỹ thuật viên hình ảnh Y học	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Số CCHN/GPHN*	*Ngày cấp CCHN/GPHN*	*Văn bằng CM/Chức danh*	*Phạm vi hành nghề*	*Lý do thu hồi*
3	Võ Văn Ngà	04/04/1990	066090014111	0004232/ĐL-CCHN	08/06/2014	Kỹ thuật viên (cao đẳng)	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của kỹ thuật viên hình ảnh Y học	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Đặng Lê Hải Long	25/03/1997	067097002941	010753/ĐL-CCHN	01/08/2023	Bác sĩ Y khoa	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	H' Dít Tơr	25/03/1989	066189007358	007469/ĐL-CCHN	06/07/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Số CCHN/GPHN*	*Ngày cấp CCHN/GPHN*	*Văn bằng CM/Chức danh*	*Phạm vi hành nghề*	*Lý do thu hồi*
6	Trần Thị Thơ	24/02/2001	066301000477	002513/ĐL-GPHN	27/10/2026	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Thái Thị Hiền	18/08/1989	066189000729	007747/ĐL-CCHN	18/10/2017	Y sỹ đa khoa	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Đào Văn Trung	19/01/1988	066088005380	0003664/ĐL-CCHN	06/04/2018	Y sĩ	hực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội Vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

TT	*Họ tên*	*Ngày sinh*	*CCCD*	*Số CCHN/GPHN*	*Ngày cấp CCHN/GPHN*	*Văn bằng CM/Chức danh*	*Phạm vi hành nghề*	*Lý do thu hồi*
9	Lê Văn Tuấn	17/03/1993	066093000271	002487/ĐL-GPHN	16/10/2026	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
10	Trần Thị Thư	24/02/2001	066301000476	002512/ĐL-GPHN	27/10/2026	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 10 cá nhân./.